

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đúng
2. Ông Trần Hữu Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1214/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị K, sinh năm: 1953 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: A đường Quốc lộ B, ấp C, xã Bình Ch, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Tiêu Ngọc Ph, sinh năm: 1954 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: B đường Quốc lộ C, ấp D, xã Bình Ch, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Lâm Thị K trình bày: Bà và ông Tiêu Ngọc Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1971, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 01/2005 vào ngày 30/12/2005. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông Ph đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Tiêu Ngọc Ph.

Về con chung: Bà và ông Ph có 04 con chung tên Tiêu Ngọc L, sinh ngày 16/9/1974; Tiêu Ngọc T, sinh ngày 25/10/1976; Tiêu Chấn Q, sinh ngày 29/10/1979 và Tiêu Ngọc Th, sinh ngày 22/6/1983. Các con chung đều đã trưởng thành nên Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tiêu Ngọc Ph vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Ph ú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lâm Thị K nộp đơn xin ly hôn đối với ông Tiêu Ngọc Ph. Ông Tiêu Ngọc Ph hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Tiêu Ngọc Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tiêu Ngọc Ph theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lâm Thị K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Tiêu Ngọc Ph đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Lâm Thị K và ông Tiêu Ngọc Ph nhưng ông Ph không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Tiêu Ngọc Ph tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Tiêu Ngọc Ph phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2005 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị K và ông Tiêu Ngọc Ph là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông Ph không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ph để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Bà K thì giữa bà và ông Ph bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông Ph cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị K đối với ông Tiêu Ngọc Ph.

[6] Về con chung: Bà và ông Ph có 04 con chung tên Tiêu Ngọc L, sinh ngày 16/9/1974; Tiêu Ngọc T, sinh ngày 25/10/1976; Tiêu Chấn Q, sinh ngày 29/10/1979 và Tiêu Ngọc Th, sinh ngày 22/6/1983. Các con chung đều đã trưởng thành nên Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Lâm Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị K đối với ông Tiêu Ngọc Ph.

Bà Lâm Thị K được ly hôn với ông Tiêu Ngọc Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lâm Thị K và ông Tiêu Ngọc Ph có 04 con chung tên Tiêu Ngọc L, sinh ngày 16/9/1974; Tiêu Ngọc T, sinh ngày 25/10/1976; Tiêu Chấn Q, sinh ngày 29/10/1979 và Tiêu Ngọc Th, sinh ngày 22/6/1983. Các con chung của Bà K và ông Ph đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Lâm Thị K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lâm Thị K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lâm Thị K chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Bà K đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008916 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà K và ông Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 17/3/2022.

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đúng**

2. Ông **Trần Hữu Ngôn**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thụ lý số 1214/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị K**, sinh năm: 1953 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: A16/1A ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Tiêu Ngọc Ph**, sinh năm: 1954 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: A16/1A ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị K đối với ông Tiêu Ngọc Ph.

Bà Lâm Thị K được ly hôn với ông Tiêu Ngọc Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2005 không còn giá trị pháp lý.

Thống nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

2. Về con chung: Bà và ông Ph có 04 con chung tên Tiêu Ngọc L, sinh ngày 16/9/1974; Tiêu Ngọc T, sinh ngày 25/10/1976; Tiêu Chấn Q, sinh ngày

29/10/1979 và Tiêu Ngọc Th, sinh ngày 22/6/1983. Các con chung đều đã trưởng thành nên Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

3. Về tài sản chung: Bà K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

4. Về nợ chung: Bà K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

5. Về án phí: Bà Lâm Thị K chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Bà K đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008916 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

6. Về quyền kháng cáo: Bà K và ông Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 17 tháng 3 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định

